

-(이)나마

dù chỉ, ít ra thì

Đánh dấu điều gì đó ít hơn mong muốn nhưng vẫn hơn không. Đây là mục trang trọng nhất ở cấp độ này, và bạn dễ gặp nó trong văn viết hơn là văn nói.

Cách kết hợp

Loại danh từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng phụ âm	-이나마	조금이나마
Kết thúc bằng nguyên âm	-나마	잠시나마
Thường đi với	조금, 잠시, 이것	이것이나마
Văn phong	trang trọng, khiêm tốn	quyên góp, xin lỗi, lời mở đầu
Không dùng cho	lượng dồi dào	많이나마 không dùng được
Dạng trung tính	(이)라도	물이라도 드세요

Khi nào dùng

Quy tắc phụ âm quen thuộc: danh từ kết thúc bằng phụ âm đi với 이나마, kết thúc bằng nguyên âm đi với 나마. 조금이나마, 잠시나마.

Nghĩa luôn mang sắc thái chưa đủ. 조금이나마 도움이 되었으면 좋겠습니다 — mong là đã giúp được phần nào, dù chỉ một chút. Nói 조금 도움이 되었으면 thì mất đi sự thừa nhận rằng một chút là không nhiều.

Vì vậy nó thuộc về lời nói khiêm tốn và trang trọng: quyên góp, chia buồn, xin lỗi, lời mở đầu. Nó phổ biến trong văn viết và lời nói tiếng Hàn cần trọng, hiếm dùng giữa bạn bè.

Nó không thể đánh dấu điều gì hào phóng. Gắn vào một lượng lớn hay đầy đủ sẽ mâu thuẫn với chính tiểu từ này.

Ví dụ trong câu

- 1

조금이나마 도움이 되었으면 좋겠습니다.
Mong rằng đã giúp được phần nào, dù chỉ một chút.
- 2

잠시나마 함께해서 즐거웠습니다.
Dù chỉ trong thời gian ngắn, được ở bên nhau thật vui.
- 3

이것이나마 받아 주시면 감사하겠습니다.
Tuy là chút quà mọn, mong anh/chị nhận cho.
- 4

늦게나마 소식을 전해 드립니다.
Dù muộn, tôi xin báo tin này.
- 5

작은 정성이나마 보태고 싶습니다.
Tôi muốn đóng góp, dù chỉ một ít.
- 6

사진으로나마 볼 수 있어서 다행이에요.
Ít ra được xem qua ảnh tôi cũng vui rồi.

So sánh với

(이)라도

Cả hai đều có nghĩa “ít ra thì cái này,” nhưng (이)라도 trung tính và dùng hằng ngày. (이)나마 thêm sự tiếc nuối rằng không được nhiều hơn, và thuộc về lời nói trang trọng.

물이라도 드세요. (ít ra hãy uống chút nước) / 조금이나마 도움이 되길. (mong giúp được dù chỉ chút ít)

(이)나

Hình thức giống nhau, cảm xúc ngược nhau. Sau số từ, (이)나 cho biết lượng nhiều hơn mong đợi; (이)나마 cho biết lượng còn thiếu.

세 시간이나 잤어요. (ngủ tận ba tiếng) / 잠시나마 쉬었어요. (tôi đã nghỉ, dù chỉ một lát)

밖에

Cả hai đều chỉ sự thiếu hụt, nhưng 밖에 là phần nản còn (이)나마 là biết ơn vì những gì đã có.

세 시간밖에 못 잤어요. (chỉ ngủ được ba tiếng) / 잠시나마 잘 수 있었어요. (ít ra tôi cũng ngủ được một chút)

Lưu ý

- X

잠시이나마 함께해서 즐거웠습니다.
- O

잠시나마 함께해서 즐거웠습니다.
잠시 kết thúc bằng nguyên âm nên chỉ đi với 나마. 이나마 đi sau phụ âm, như trong 조금이나마.
- X

많이나마 도움이 되었으면 좋겠습니다.
- O

조금이나마 도움이 되었으면 좋겠습니다.
Tiểu từ này tồn tại để đánh dấu sự thiếu hụt. Gắn vào lượng dồi dào thì tự mâu thuẫn.
- X

야, 이것이나마 먹어.
- O

야, 이거라도 먹어.
(이)나마 trang trọng và khiêm tốn. Giữa bạn bè, (이)라도 là lựa chọn tự nhiên.